

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La (lần 3)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; *wt**

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố quyết định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 585/TTr-STNMT ngày 04/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sơn La (lần 3) với những nội dung như sau:

1. Danh mục các dự án bổ sung dự kiến cần xác định giá đất cụ thể năm 2023

Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất; thu hồi đất và bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến bổ sung vào Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể trong năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

Tổng số dự án cần bổ sung vào Kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể năm 2023 là 26 dự án với tổng diện tích các loại đất cần định giá khoảng 58,037 ha (có danh mục các dự án chi tiết tại Biểu số 01, 02, 03 kèm theo).

2. Thời gian thực hiện xác định giá đất cụ thể

Thực hiện xác định giá đất cụ thể theo tiến độ của từng công trình, dự án trên địa bàn các huyện, thành phố trong năm 2023.

3. Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể

Kinh phí thực hiện xác định giá đất cụ thể của các dự án được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố trong tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

1.2. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

1.3. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình bổ sung kế hoạch tổ chức xác định giá đất cụ thể tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước. Đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nêu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét, quyết định. *vet*

2. Sở Tài chính

2.1. Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể của tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ xác định giá đất cụ thể theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2.3. Hướng dẫn hoặc tham mưu cân đối bố trí kinh phí xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. UBND các huyện, thành phố

3.1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật và Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh.

3.2. Cân đối bố trí kinh phí cho công tác xác định giá đất cụ thể đối với các dự án, phương án được giao theo Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./. *ut*

Nơi nhận:

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh Sơn La;
- Các phòng: TH, KT - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT - Thiện 25 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ CHO THUÊ ĐẤT THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 2098 /QĐ-UBND ngày 16 /16 /2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	1	0,0816						
I	Thành phố Sơn La	1	0,0816						
1	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng I Sơn La	Tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La	0,0816	Đất thương mại, dịch vụ	20 năm	Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 14/4/2004 của UBND tỉnh Sơn La	Năm 2023	30	

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng số dự án	2	0,267						
I	Huyện Bắc Yên	2	0,267						
1	Điểm dân cư Tân Cuông, xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên	xã Tạ Khoa	0,15	ONT	Lâu dài	Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La	2023	30	
2	Điểm dân cư bản Chàng, xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	xã Mường Khoa	0,12	ONT	Lâu dài		2023	49	

44

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN XÁC ĐỊNH GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỀ BỎI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 16 / 10 /2023 của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng dự án	23	57,688						
1	Huyện Bắc Yên	8	28,261						
1	Sắp xếp ông định dân cư Suối Tào bản Tằng, xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	xã Chiềng Sại	4,829	RPH; CLN; LUC	Lâu dài	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La	2023	34	
2	Đầu tư chợ xã Song Pe, huyện Bắc Yên	xã Song Pe	0,046	CLN	Lâu dài	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La	2023	18	
3	Khu dân cư bản Phúc, xã Mường Khoa	xã Mường Khoa	1,12	LUC; CLN; PNK; ONT	Lâu dài	Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La	2023	22	
4	Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	trấn Bắc Yên	14,08	ODT; NHK; RSX; CLN; NTS; LUC LUK	Lâu dài	Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La	2023	45	
5	Trụ sở Công an xã Tạ Khoa	xã Tạ Khoa	0,250	CLN; BHK; SON	Lâu dài	Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La	2023	24	
6	Trụ sở Công thị trấn Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	0,144	LUC	Lâu dài		2023	21	
7	Trụ sở Công an xã Song Pe	xã Song Pe	0,100	LUC; BHK	Lâu dài		2023	24	



STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
8	Đường tỉnh 112 (đoạn Làng Chếu - Xím Vàng) huyện Bắc Yên	xã Làng Chếu - Xím Vàng) huyện Bắc Yên	7,69	CLN; LUK; ONT; NHK; RSX; SON	Lâu dài	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Sơn La	2023	35,0	Điều chỉnh tăng 5,682 ha
II	Huyện Mường La	3	3,580						
1	Khắc phục, cải tạo công trình thoát lũ trung tâm xã Ngọc Chiến, huyện Mường La:	Xã Ngọc Chiến	0,8	LUK, CLN, NTS, HNK	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	2023	20	
2	Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiến	1,25	LUK, HNK	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	2023	20	
3	Bổ trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Kết, xã Tạ Bú, huyện Mường La	Xã Tạ Bú	1,53	RSX, CLN	50 năm	Kế hoạch sử dụng đất năm 2023	2023	20	
III	Huyện Thuận Châu	12	25,848						
1	Trụ sở làm việc công an huyện	Xã Chiềng Lỵ	0,198	ONT; CLN; LUC	Lâu dài; 50 năm	Nghị quyết số 265/NQ-HĐND ngày 11/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La; Quyết định số 2792/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La	Quý IV/2023	69	
2	Trụ sở công an xã Muối Nội	Xã Muối Nội	0,122	NTS; LUC	50 năm			46	
3	Trụ sở công an xã Pá Lông	xã Pá Lông	0,084	CLN	50 năm			23	
4	Trụ sở công an xã Thôm Mòn	Xã Thôm Mòn	0,110	LUC	50 năm			23	

STT	Tên danh mục dự án/Mục đích cần định giá/ Cổ phần hóa	Vị trí, địa điểm (thôn, xóm, tổ - xã, thị trấn)	Diện tích cần định giá đất (ha)	Loại đất cần định giá	Thời hạn sử dụng của thửa đất cần định giá	Các thông tin chung (QH, KHSD đất; QHXD chi tiết; các VB pháp lý khác có liên quan)	Thời gian cần định giá	Dự kiến kinh phí định giá (triệu đồng)	Ghi chú
5	Trụ sở công an xã Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc	0,149	LUC	50 năm	Nghị quyết số 12-NQ/ĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương và Kế hoạch số 128/KH/TU ngày 03/10/2022 của tỉnh ủy Sơn La	Tháng 10/2023	23	
6	Trụ sở công an xã Co Tòng	Xã Co Tòng	0,12	NHK	50 năm			23	
7	Trụ sở công an xã Púng Tra	Xã Púng Tra	0,08	ONT; NTS	Lâu dài; 50 năm			23	
8	Trụ sở công an xã Tòng Lạnh	Xã Tòng Lạnh	0,14	LUC	50 năm			23	
9	Trụ sở công an xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	0,03	NHK	50 năm	Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 của UBND huyện Thuận Châu	Quý IV/2023	23	
10	Đường liên xã Long Hẹ - Phổng Lập, huyện Thuận Châu	Các xã: Long Hẹ, Phổng Lập	17,28	LUC; ONT; CLN; RSX	Lâu dài; 50 năm			92	
11	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sản lờ điểm TĐC Tèn Pá Hu, bản Ta Mạ, xã Liệp Tè, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	Xã Liệp Tè	7,0	CLN; NHK; ONT; RSX	Lâu dài; 50 năm	Nghị quyết 202/NQ-HDND ngày 20/7/2023 của HDND tỉnh Sơn La; Công văn số 2789/UBND-TH ngày 24/7/2023 của UBND tỉnh	Quý IV/2023	92	
12	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND - UBND xã Bon Phăng	Xã Bon Phăng	0,53	CLN; NHK; ONT	Lâu dài; 50 năm	Nghị quyết số 104/NQ-HDND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	Quý IV/2023	69	